

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT
Ngày 12 tháng 8 năm 2024
V/v: "Tranh chấp HĐMB".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Trần Văn San.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 7 đến ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2024/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 5 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá. Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 03 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐ-PT ngày 20/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐ-PT ngày 15/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại M; địa chỉ trụ sở: Thôn K, xã V, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Ngọc M - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Bùi Đình H, sinh năm 1978; bà Hoàng Thị H, sinh năm 1996 và ông Trương Đình T, sinh năm 1997; cùng địa chỉ: Phòng 512, tầng 5, toà nhà C, số 117, đường T, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H; địa chỉ trụ sở: Km2, đường Đ, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T - chức vụ: Tổng giám đốc.

3. Người kháng cáo: Bị đơn công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Ngày 08/6/2022, Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H (sau đây gọi tắt là Công ty giao thông H) và công ty TNHH thương mại M (sau đây gọi tắt là Công ty M) đã cùng ký kết hợp đồng mua bán số 046/HĐMB/GTHN-MT về việc cung cấp bê tông thương phẩm và bơm bê tông cho dự án: VINHIMES DREAM CITY; tại địa điểm: xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng, Công ty M sẽ bán cho Công ty giao thông H các loại hàng hóa sau:

Đơn giá bê tông thương phẩm

TT	Chủng loại	Độ sụt	Đơn vị	Đơn giá có VAT (VNĐ)
1	Bê tông thương phẩm			
2	Bê tông thương phẩm Mác 100, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	840.000
3	Bê tông thương phẩm Mác 150, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	890.000
4	Bê tông thương phẩm Mác 200, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	940.000
5	Bê tông thương phẩm Mác 250, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	980.000
6	Bê tông thương phẩm Mác 300, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	1.030.000
7	Bê tông thương phẩm Mác 350, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	1.080.000
8	Bê tông thương phẩm Mác 400, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	1.130.000
9	Bê tông thương phẩm Mác 450, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	1.180.000
10	Bê tông thương phẩm Mác 500, đá 5x20 mm, R28	12±2	M ³	1.230.000
11	Vữa Mác 75#		M ³	890.000
12	Vữa Mác 100#		M ³	980.000
13	Vữa thông bơm		M ³	810.000
14	Tăng giảm 1 cấp độ sụt, đơn giá tăng giảm tương ứng	±	M ³	10.000

Ghi chú: Mác bê tông xác định bằng mẫu lập phương (15x15x15) cm theo TCVN 3118-1993 hoặc tương đương.

+ Bê tông yêu cầu 14 ngày đạt mác thiết kế, cộng thêm 30.000đ/m³.

+ Bê tông yêu cầu 7 ngày đạt mác thiết kế, cộng thêm 50.000đ/m³.

+ Bê tông yêu cầu 3 ngày đạt mác thiết kế, cộng thêm 80.000đ/m³.

+ Bê tông yêu cầu chống thấm B6, cộng thêm 20.000đ/m³, B8 cộng thêm 40.000đ/m³, B10 cộng thêm 60.000đ/m³, B12 cộng thêm 80.000đ/m³.

+ Đối với bê tông duy trì độ sụt trong 4h thì cộng thêm 10.000đ/m³.

+ Chi phí ép mẫu bê tông xác định cường độ do bên B chịu, chi phí thí nghiệm chống thấm bê tông do bên A chịu. Việc thí nghiệm mẫu bê tông được thực hiện tại các phòng thí nghiệm do chủ đầu tư, tư vấn giám sát của dự án hoặc bên A chỉ định.

+ Đơn giá trên áp dụng cho bê tông có kết quả nén mẫu R7 và R28, nếu bên A yêu cầu ép thêm mẫu R3 hoặc R14 thì đơn giá trên tăng thêm 10.000đ/m³.

+ Đơn giá trên đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển đến chân công trình. Trường hợp mức thuế GTGT có thay đổi theo quy định của pháp luật thì bên mua chịu thuế suất mới do Nhà nước quy định tại thời điểm giao hàng.

+ Khối lượng thanh toán là khối lượng thực tế được giao nhận giữa hai bên.

Hai bên cũng thống nhất tại Điều 7 của hợp đồng nêu trên về thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán: Hàng tháng, hai bên tiến hành đối chiếu khối lượng, bên B xuất hóa đơn giá trị gia tăng và bên A có nghĩa vụ thanh toán 100% giá trị bê tông cho bên B trong vòng 7-10 ngày kể từ ngày bên B xuất hóa đơn tài chính. Việc thanh toán được thực hiện bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc bằng séc. Việc thanh toán bằng séc chỉ được thừa nhận khi bên B nhận được phiếu báo có của ngân hàng bên B. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã bán cho Công ty giao thông H tổng giá trị hàng hóa là 3.328.580.000 đồng, Công ty giao thông H mới chỉ thanh toán cho Công ty M số tiền 900.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 2.428.580.000 đồng thì Công ty giao thông H đã không thanh toán cho Công ty M.

Nay Công ty M yêu cầu tòa án giải quyết các vấn đề như sau: Buộc Công ty giao thông H phải thanh toán toàn bộ số nợ gốc còn lại là: 2.428.580.000 đồng. Công ty giao thông H phải chịu lãi chậm trả cho hóa đơn chưa thanh toán của hợp đồng mua bán nêu trên tính từ ngày 26/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (04/4/2024) là: 263.500.930 đồng và tiếp tục phải chịu lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc. Tổng số tiền mà Công ty giao thông H phải trả cho Công ty M tính đến ngày 04/4/2024 là 2.692.080.930 đồng và tiếp tục phải chịu lãi cho đến khi thanh toán xong công nợ gốc.

* Tại bản tự khai ngày 02/11/2023, ông Phan Văn T là đại diện theo pháp luật của bị đơn có quan điểm như sau: Ngày 08/6/2022, Công ty giao thông H và Công ty M có ký kết hợp đồng mua bán số 046/HĐMB/GTHN-MT về việc mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thực hiện việc mua bán giao nhận bê tông tương ứng với số tiền đã xuất hóa đơn như sau:

Ngày	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền
03/10/2022	Hóa đơn số 00000629	đồng	1.173.480.000
24/10/2022	Hóa đơn số 00000730	đồng	550.440.000
18/11/2022	Hóa đơn số 00000882	đồng	915.320.000
	Tổng cộng		2.639.240.000

Ngày 18/11/2022, Công ty giao thông H và Công ty M có làm biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ hai bên, với số tiền: 2.639.240.000 đồng. Đến ngày 19/01/2023, Công ty giao thông H đã chuyển trả cho Công ty M tổng số tiền là: 900.000.000 đồng. Tổng công nợ còn lại đến thời điểm hiện nay là 1.739.240.000 đồng. Riêng với hóa đơn giá trị gia tăng ngày 26/12/2022 mà Công ty M đã xuất cho Công ty giao thông H với tổng giá trị là: 689.340.000 đồng. Nhưng do đến thời điểm hiện tại Công ty giao thông H chưa chốt được số liệu bê tông của hóa đơn đó và hai bên cũng chưa ngồi lại để chốt và ký xác nhận biên bản đối chiếu công nợ và thực tế Công ty giao thông H cũng không ghi nhận chi phí của hóa đơn số 00001047 ký ngày 26/12/2022 của Công ty M. Do đó Công ty giao thông H chưa nhất trí với giá trị của hóa đơn đó.

Đến thời điểm hiện nay, Công ty giao thông H đồng ý trả số tiền công nợ là: 1.739.240.000 đồng. Nhưng Công ty giao thông H cũng chưa được chủ đầu tư thanh quyết toán dự án. Quá trình thi công xảy ra các yếu tố như: Đơn giá bê tông tăng đột ngột, khối lượng bê tông tăng, lượng bê tông bị hao hụt nhiều so với dự toán, công trường có những ngày mất điện kéo dài, cầu công trường hỏng, mưa gió, vật tư mất mát nhiều... dẫn đến việc chậm tiến độ kéo dài thời gian thi công, làm tăng chi phí lên quá nhiều dẫn đến Công ty giao thông H bị thua lỗ nặng nề. Nay Công ty giao thông H đề nghị Công ty M giãn nợ và xin điều chỉnh giảm 30% - 35% so với đơn giá ban đầu. Đối với phần lãi chậm thanh toán, đề nghị Công ty M miễn cho khoản này.

Từ nội dung trên tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 147; 227; 271; 273; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 117, 357, 398, 401, 468 của Bộ luật Dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 4; các Điều 24; 50; 55; 306; 317 của Luật thương mại 2005. Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại M, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H phải trả cho Công ty TNHH thương mại M, tổng số tiền tính đến ngày 04/4/2024 là: 2.692.080.930đ (hai tỷ, sáu trăm chín mươi hai triệu, không trăm tám mươi nghìn, chín trăm ba mươi đồng), trong đó tiền gốc là: 2.428.580.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 263.500.930 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số

tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 17/4/2024, Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H kháng cáo, không đồng ý lãi chậm trả của Hợp đồng mua bán số 046/HĐMB/GTHN-MT với số tiền là 263.500.930 đồng. Không đồng ý hóa đơn số 00001047 ngày 26/12/2022 với số tiền 689.340.000đ của Công ty M. Chấp nhận trả nợ dần từ tháng 5/2024, mỗi tháng từ 10.000.000đ đến 50.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn có quan điểm: Đề nghị buộc Công ty giao thông H phải thanh toán cho Công ty M toàn bộ số nợ gốc còn lại là: 2.428.580.000 đồng; chấp nhận việc tính phạt vi phạm hợp đồng theo mức lãi suất huy động ngắn hạn của Ngân hàng Techcombank ở từng thời điểm; nhất trí với phần lãi suất chậm thi hành án theo bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H, buộc Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H phải trả cho Công ty TNHH thương mại M, tổng số tiền tính đến ngày 04/4/2024 là: 2.619.382.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc là: 2.428.580.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 190.802.000 đồng. Về án phí phúc thẩm: Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H trong thời hạn luật định và đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự nên được HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H.

Về khoản nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng số 046/HĐMB/GTHN-MT giữa Công ty M và Công ty giao thông H ký kết mua bán bê tông thương phẩm và bơm bê tông để thực hiện dự án: VINHIMES DREAM CITY, tại xã N, huyện V, tỉnh Hưng Yên và các biên bản giao nhận khối lượng hàng hóa giữa hai bên xác định Công ty M đã bán cho Công ty giao thông H hàng hóa là bê tông thương phẩm với tổng giá trị hàng hóa là 3.328.580.000 đồng. Tên hàng hóa, đơn vị tính, đơn giá và giá trị các lần mua bán hàng hóa đã được thể hiện cụ thể, chi tiết qua 04 hóa đơn giá trị gia tăng sau:

Ngày xuất hóa đơn	Số hóa đơn giá trị gia tăng	Số tiền
03/10/2022	Hóa đơn số 00000629	1.173.480.000 đồng
24/10/2022	Hóa đơn số 00000730	550.440.000 đồng
18/11/2022	Hóa đơn số 00000882	915.320.000 đồng
26/12/2022	Hóa đơn số 00001047	689.340.000 đồng

Nay Công ty giao thông H chỉ thừa nhận đối với 03 hóa đơn giá trị gia tăng ngày 03/10/2022, 24/10/2022 và 18/11/2022, tương ứng với giá trị hàng hóa là: 2.639.240.000 đồng. Riêng đối với hóa đơn giá trị gia tăng số 00001047 ngày 26/12/2022 trị giá 689.340.000 đồng Công ty giao thông H không công nhận với lý do hai bên chưa ký xác nhận biên bản đối chiếu công nợ. Tuy nhiên, tại biên bản xác nhận khối lượng ngày 27/11/2022 được đại diện hai công ty ký giao nhận khối lượng thực tế giữa hai bên để làm căn cứ thanh toán giá trị hàng hóa với nhau được thể hiện trên hóa đơn giá trị gia tăng số 00001047 ngày 26/12/2022 với số tiền 689.340.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm buộc Công ty giao thông H phải có trách nhiệm thanh toán hàng hóa cho công ty M tổng số tiền là 3.328.580.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty giao thông H đã thanh toán cho Công ty M số tiền 900.000.000 đồng nên số tiền gốc còn phải trả là: 2.428.580.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật.

Xét kháng cáo của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H không đồng ý chịu lãi chậm trả cho Công ty M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại khoản 9.13 Điều 9 Hợp đồng mua bán hàng hoá số 046/HĐMB/GTHN-MT quy định: *“Nếu bên A chậm thanh toán cho bên B thì mức phạt vi phạm hợp đồng bằng mức lãi suất huy động ngắn hạn của Ngân hàng bên B tính từ ngày hết hạn thanh toán. Thời hạn trả chậm không quá 30 ngày kể từ ngày tính lãi”*. Như vậy, căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và thỏa thuận tại khoản 9.13 Điều 9 của Hợp đồng thì khi bên A chậm thanh toán tiền hàng cho bên B trong thời gian 30 ngày, bên B có quyền yêu cầu bên A trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất huy động ngắn hạn của Ngân hàng bên B mở tài khoản. Thực tế, Công ty giao thông H thanh toán cho

Công ty M thông qua tài khoản của Công ty M tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam (Techcombank). Do hai bên không thoả thuận được mức lãi suất huy động ngắn hạn theo kỳ hạn nào nên căn cứ mức lãi suất huy động ngắn hạn của Ngân hàng Techcombank ở từng thời điểm cụ thể để tính mức phạt vi phạm hợp đồng. Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng Techcombank cung cấp về lãi suất huy động ngắn hạn cụ thể tại thời điểm 31/01/2023 lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của pháp nhân là 7.63%/năm và tại thời điểm 31/01/2024 lãi suất huy động kỳ hạn 3 tháng của pháp nhân là 2.89%/năm. Như vậy, lãi chậm thanh toán của số tiền 2.428.580.000 đồng tính từ ngày 26/01/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/4/2024 được tính như sau:

Ngày vay	Hạn trả	Số tiền phải trả	Lãi suất	Số ngày tính lãi/365 ngày	Lãi phải trả
26/01/2023	31/12/2023	2.428.580.000	7,63%	339	172.101.155
01/01/2024	04/4/2024	2.428.580.000	2,99%	94	18.700.731
	Cộng				190.801.887

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty giao thông H, sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam về phần lãi suất.

[3] Ngoài ra tại phần quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên: “*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự*” là chưa đầy đủ, gây thiệt hại cho nguyên đơn. Tuy nhiên, phía nguyên đơn nhất trí với quyết định này của cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[4] Về Án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty giao thông H phải chịu 84.387.600 đồng.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên Công ty giao thông H không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 293, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H. Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam về phần lãi suất.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 92; 147; 227; 271; 273; 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các Điều 117, 357, 398, 401, 468 của Bộ luật dân sự. Căn cứ khoản 3 Điều 4; các Điều 24; 50; 55; 306; 317 của Luật thương mại 2005; Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại M, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Buộc Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H phải trả cho Công ty TNHH thương mại M, tổng số tiền tính đến ngày 04/4/2024 là: 2.619.382.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười chín triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc là: 2.428.580.000 đồng, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là: 190.801.887 đồng.

2. Về án phí

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H phải chịu 84.387.600 đồng (Tám mươi tư triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm đồng).

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H không phải chịu.

- Trả lại cho Công ty TNHH thương mại M số tiền 41.000.000 đồng (Bốn mươi một triệu đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001894 ngày 20 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) Công ty cổ phần quản lý và xây dựng công trình giao thông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000384 ngày 17/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý được đối trừ khi thi hành án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành đối với khoản tiền trên, nếu bên phải thi hành chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi

hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật từ khi hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội.
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Thị Mai Hương**

